

LÊ SĨ VÀ CÔNG CUỘC CHỐNG PHÁP CUỐI THẾ KỈ XIX

CN. VŨ THÀNH VINH

Ban Quản lý Di tích tỉnh Quảng Bình

Lê Sĩ sinh năm 1816, ở một vùng đất địa linh nhân kiệt thuộc làng Võ Xá, thôn Tiên, huyện Phong Lộc, nay là thôn Tiên, xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Ông sinh ra trong gia đình có truyền thống võ tướng: Cô của ông được phong tước Tín Nghĩa Đô thời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765); ông nội được sắc phong Chương vệ phẩm đồng tướng quân cầm binh thời chúa Nguyễn Phúc Thuận (1765-1777); ông thân sinh ra Lê Sĩ cũng là một võ tướng mang quân hàm Chương vệ thủy trang phẩm cảm y vệ, có danh tiếng dưới thời vua Minh Mạng và vua Thiệu Trị.

Thuở thiếu thời, Lê Sĩ được tiếp thu một nền giáo dục nho phong và tính chất anh hùng mã thượng của gia đình, lại chịu ảnh hưởng truyền thống xứ võ của quê hương Võ Xá, nên dù học văn hay học võ, Lê Sĩ đều có chí hướng về binh nghiệp. Ông thường nghiên cứu các sách về binh thư đồ trận, sách lược về trị quốc an dân. Riêng về võ nghiệp, ông dốc tâm rèn luyện nên lúc chưa đầy 20 tuổi ông đã tinh thông cả thập bát ban võ nghệ và điều luyện thập thất nhị huyền công.

Cũng như nhiều trí sĩ khác, với mong muốn thực hiện lý tưởng trị quốc bình thiên hạ, Lê Sĩ đã hăm hở bước vào con đường hoạn lộ. Trong cuộc đời 40 năm làm quan (1843-1883), trải qua 4 đời vua (Thiệu Trị, Tự Đức, Dục Đức, Hiệp Hoà), Lê Sĩ đã tiến nhanh trên con đường danh vọng, từng kinh qua nhiều chức vụ quan

trọng vào bậc nhất trong triều (Chương quản Hữu và Tả Dục doanh vũ Thống chế, Hữu dục doanh vũ lâm, Đồng lý Sở Dương Xuân, Giám khảo khoa thi tiến sĩ võ, Đô thống Phủ Đô thống Chương phủ sự, rồi thay vua Tự Đức kính đèn đài xã tắc, làm lễ kính cáo Tiết Ngũ tuần đại khánh, duyệt tuyển lực lượng quân đội...) hay ngoài các địa phương: Lãnh binh tỉnh Ninh Bình, Đốc binh Quân thứ Quảng Nam, Phó Đề đốc Quân thứ Biên Hoà, Gia Định, Định Tường; Đề đốc tỉnh Bình Thuận, Phó Đề đốc Quân thứ Hải Dương, Đề đốc tỉnh Bắc Ninh.

Lê Sĩ ra làm quan vào thời kỳ có nhiều biến động, nhà nước phong kiến Việt Nam đã lún sâu vào vũng lầy suy vong; phong trào nông dân nổi dậy khắp nơi, thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta, liên tục cho tàu chiến vào thị uy ở Đà Nẵng (1843, 1845). Năm 1847, hai chiến hạm Pháp lại đến Đà Nẵng ngang nhiên bắn đắm chiến thuyền Việt Nam rồi bỏ đi.

Quảng Nam - Đà Nẵng là vùng chiến lược quan trọng ở gần kinh đô Huế, chỉ cần vượt qua đèo Hải Vân là đã chiếm được Huế, bắt vua Nguyễn phải đầu hàng, bẻ gãy ý chí kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.

Ngày 1 tháng 9 năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, chiếm bán đảo Sơn Trà và tìm cách tấn công lên đất liền, mở rộng chiến tranh trên toàn đất nước Việt Nam.

Đầu năm 1859, Lê Sĩ đang làm Lãnh binh

¹Đại Nam chính biên liệt truyện, Nxb Thuận Hoá, 1993, tr.234.

tỉnh Ninh Bình, được vua Tự Đức sung Đốc binh Quân thứ Quảng Nam, sau đó được bổ làm Binh vệ úy¹. Dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương và Lê Sĩ, mặt trận Đà Nẵng được giữ vững. Sau hơn 5 tháng tấn công, quân giặc hầu như vẫn dẫm chân tại chỗ, không uy hiếp được kinh thành Huế. Đà Nẵng, sau 19 tháng bị giặc Pháp chiếm đã thoát khỏi tay giặc.

Bị sa lầy ở mặt trận Đà Nẵng, thực dân Pháp phải thay đổi kế hoạch xâm lược, đem quân vào đánh Gia Định (gồm 6 tỉnh: Gia Định, Biên Hoà, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên), vì đây là vùng giàu lúa gạo, hậu cần tại chỗ rất tốt cho quân đội viễn chinh. Đánh lục tỉnh cắt đường nguồn tiếp tế lúa gạo cho triều đình Huế, đồng thời làm giảm uy tín của triều đình Huế với Campuchia và Thái Lan, khiến cho hai nước này nhân đó chống lại Việt Nam.

Ngày 17 tháng 2 năm 1859, quân Pháp đánh thành Gia Định.

Được tin Gia Định bị tấn công, triều đình Huế cử Thượng thư bộ Hộ Tôn Thất Cáp làm Tổng thống Quân vụ mặt trận Gia Định. Nhưng khi Tôn Thất Cáp đem quân vào tới nơi thì Gia Định đã lọt vào tay giặc Pháp, Tôn Thất Cáp phải đóng đại bản doanh ở Biên Hoà, đồng thời mộ quân ở các tỉnh miền Trung chuẩn bị chống giặc. Tổng đốc Vĩnh Long - Định Tường là Trương Văn Uyên đem quân tới Gia Định phản công thì bị giặc tập kích, bị trọng thương phải rút về Vĩnh Long.

Tình hình Gia Định trở nên hết sức căng thẳng, nguy cơ lục tỉnh miền Nam rơi vào tay giặc Pháp đang bị đe dọa. Để tăng cường thêm quân lực và hậu cần cho kế hoạch chiến đấu lâu dài, tháng 11 năm 1861, vua Tự Đức cho Ấn

sát xứ tỉnh Quảng Ngãi là Nguyễn Văn Hiến sung làm Tấn tương Quân thứ Biên Hoà và Vệ úy Lê Sĩ làm Phó Đề đốc Quân thứ Biên Hoà, phòng giữ và vận chuyển, chuyên lo lương thực, hậu cần, quân nhu, quân dụng cho quân đội². Sau một thời gian ngắn phụ trách công tác hậu cần, quân dụng, Lê Sĩ đã dự trữ được nhiều lương thực, đạn dược chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Ngày 5 tháng 6 năm 1862, dưới sức ép của Pháp, triều đình Huế đã ký với Pháp bản “Hiệp ước hoà bình và hữu nghị”, còn gọi là Điều ước Nhâm Tuất, nhượng hẳn cho Pháp 3 tỉnh miền Đông (Gia Định, Định Tường, Biên Hoà), gọi là Nam Kỳ thuộc Pháp và đảo Côn Lôn, mở cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho Pháp và Tây Ban Nha tự do buôn bán.

Như vậy, về chính trị, thực dân Pháp đã bắt đầu nô dịch và chia cắt nước ta, biến Nam Kỳ thành thuộc địa và cột Nam Kỳ vào chủ nghĩa đế quốc Pháp, lấy Nam Kỳ làm bàn đạp chiếm cả nước Việt Nam.

Tháng 5 năm 1862, Lê Sĩ được bổ làm Đề đốc tỉnh Bình Thuận³. Đây là vùng đất phen đậu phía Nam, giáp với Nam Kỳ thuộc Pháp.

Vào đầu những năm 60 của thế kỉ XIX, giặc cướp nổi lên ở các tỉnh miền Bắc như ong vỡ tổ. Miền Bắc xảy ra nhiều cuộc giao chiến giữa quân triều đình với nghĩa quân nông dân và các toán giặc cướp khác. Cuộc hỗn chiến đã làm sức dân kiệt quệ, dân tộc bị chia rẽ, tạo cơ hội cho thực dân Pháp tiến quân ra Bắc.

Trước tình hình chính trị và quân sự hỗn loạn, có thể vượt ra ngoài tầm kiểm soát của triều đình Huế, vua Tự Đức chọn bình định đất Bắc làm mục tiêu chủ yếu để giữ vững những vùng đất còn lại. Sau khi dâng 3 tỉnh miền

¹Đại Nam thực lục chính biên, Nxb Khoa học Xã hội, Tập 29, tr.255.

²Đại Nam thực lục chính biên, Nxb Khoa học Xã hội, Tập 29, tr.313.

³Đại Nam thực lục chính biên, Nxb Khoa học Xã hội, 1974, Tập 30, tr.15.

⁴Sách đã dẫn, Tập 31, tr.73.

Đông cho Pháp, Tự Đức điều động các tướng lĩnh chủ chốt khỏi chiến trường lục tỉnh để ra Bắc đánh dẹp. Tháng 3 năm 1863, đang làm Đề đốc Bình Thuận, Lê Sĩ được điều về làm Phó Đề đốc quân thứ Hải Dương. Ở Hải Dương một thời gian ngắn, do yêu cầu củng cố quân đội ở kinh thành Huế, Lê Sĩ lại được Tự Đức sung làm Hữu dực doanh vũ lâm⁴.

Tháng 3 năm 1864, bọn cướp và thổ phỉ Trung Quốc quấy rối ở các tỉnh Tuyên Quang, Bắc Ninh, đời sống nhân dân ở hai tỉnh này hết sức cực khổ, triều đình giao cho Lãnh binh Bắc Ninh là Đặng Văn Siêu và Án sát Hoàng Văn Giản dẹp loạn nhưng không được, vua Tự Đức lại phải giao cho Lê Sĩ làm Đề đốc Bắc Ninh.

Sau khi chiếm được lục tỉnh (1867), thực dân Pháp gấp rút thực hiện âm mưu chiếm miền Bắc và miền Trung. Giữa lúc Đô đốc quân đội Pháp Duy-pơ-rê đang muốn tìm cơ để đưa quân ra miền Bắc thì chính triều đình Huế lại mở cửa cho Duy-pơ-rê hành động. Ngày 31 tháng 8 năm 1873, một phái bộ của triều đình Huế vào Sài Gòn yêu cầu Pháp cử người ra Bắc dàn xếp vụ tên lái buôn Duy puy (Jean Dupuis) gây ra các vụ cướp phá tại Hà Nội, đánh đòn canh của quân đội triều đình, thế là Pháp đành hoàng đem quân ra Bắc, nhằm đánh chiếm Hà Nội và Bắc Kỳ.

Đưa quân ra Hà Nội chưa đầy một tháng, Gác-ni-ê (Francis Garnier), xua quân lần lượt đánh chiếm các thành Hưng Yên, Phủ Lý, Hải Dương, Ninh Bình, Nam Định.

Ngày 20 tháng 11 năm 1873, quân Pháp dưới sự chỉ huy của đại úy F.Garnier đánh chiếm thành Hà Nội. Lúc này Hoàng Kế Viêm được cử làm Tiết chế Quân vụ Bắc Kỳ để chỉ huy, đôn đốc việc phòng thủ chống Pháp. Ở chức vụ này, Hoàng Kế Viêm đã chỉ huy quân dân Hà Nội phối hợp với quân Cờ Đen đánh

thắng cuộc tấn công của quân Pháp vào thành Hà Nội, giết chết tên đại úy chỉ huy F.Garnier.

Ở miền Trung, giặc Pháp thường cho tàu diễu võ dương oai, khiêu khích nhân dân dọc theo bờ biển. Đưa tàu chiến đến đậu trước cửa sông Hàn, quyết tâm uy hiếp, gây áp lực buộc triều đình Huế phải ký hàng ước. Trước tình hình nguy biến đó, Tự Đức vô cùng hoảng hốt, tìm mọi lý lẽ đổ trách nhiệm cho các tướng lĩnh ngoài Bắc, thi hành kỷ luật đối với họ. Đồng thời, Tự Đức lệnh cho Tổng đốc Hoàng Kế Viêm, Tham tán Tôn Thất Thuyết, Tán tương Trương Quang Đản đưa quân về phòng giữ các tỉnh còn lại, chờ điều đình với Pháp, nếu bị thất bại thì đánh. Ở kinh đô Huế, việc canh giữ cần phải nghiêm ngặt, cẩn thận nên Tự Đức lại cử Hữu quân Đô thống Lê Sĩ cùng Chương vệ Tôn Thất Thế và Hình bộ Tham tri Phạm Ý, Tả phó đô ngự sử Trần Văn Thiều, canh giữ kinh thành, tuần kiểm dự bị, canh phòng sông biển⁵. Vì vậy, khi quân Pháp tấn công Hà Nội, Lê Sĩ không thể cùng quân dân Hà Nội trực tiếp đánh Pháp.

Ngày 15 tháng 3 năm 1874, triều đình Huế ký với Pháp bản hiệp ước mang tên "Hiệp ước hoà bình và liên minh", còn được gọi là Điều ước Giáp Tuất, với việc xác nhận chủ quyền của Pháp trên toàn bộ Nam Kỳ, vào lúc phong trào nhân dân kháng chiến đang có cơ sở phát triển. Ký bản Hiệp ước này bọn phong kiến phản động triều Nguyễn đã chà đạp lên nguyện vọng của nhân dân ta muốn thừa thắng xông lên quét sạch bè lũ cướp nước và tay sai. Trong khi đó chủ nghĩa tư bản Pháp đang trên đà chuyển mạnh sang giai đoạn lũng đoạn lại ráo riết chuẩn bị mọi mặt để hoàn thành việc đánh chiếm Việt Nam.

Chiếm hãn Bắc Kỳ và toàn bộ Việt Nam là mục tiêu tối thượng của Pháp. Vì thế, tháng 3

⁴Sách đã dẫn, Tập 31, tr.73.

⁵Đại Nam thực lục chính biên, Tập 32, tr.344.

năm 1882, một lần nữa Pháp xé bỏ hiệp ước đã ký, mở rộng đánh chiếm nước ta. Thống đốc Nam Kỳ được lệnh phái Ri-vi-e (Henri Rivière), đưa quân từ Sài Gòn ra Bắc với cơ là triều đình Huế đã vi phạm các điều khoản của hiệp ước như vẫn cấm và giết con chiên của Chúa, không đảm bảo cho tàu Pháp đi lại buôn bán trên sông Hồng, tiếp tục có quan hệ với nhà Thanh.

Khi đưa quân ra Bắc, Rivière được giao nhiệm vụ bằng bất cứ giá nào phải chiếm được miền Bắc và miền Trung để hoàn thành công cuộc xâm lược Việt Nam.

Sau khi nhận thêm viện binh từ Sài Gòn ra, từ Pháp sang, ngày 25 tháng 4 năm 1882, quân Pháp nổ súng đánh chiếm thành Hà Nội, mỏ than Hòn Gai (12/3/1883), thành Nam Định (27/3/1883), tiến đánh Sơn Tây là đại bản doanh của các lực lượng kháng chiến ngoài Bắc và chuẩn bị tấn công cửa biển Thuận An.

Tình hình chiến sự lúc này lại diễn ra giống như tình hình chiến sự năm 1873, khi Gác-ni-ê (Francis Garnier) đưa quân ra Bắc. Trong trận đánh ra cửa ngõ phía Tây Hà Nội, tướng giặc là Rivière lại rơi vào trận địa phục kích của quân dân Hà Nội và đã bỏ mạng (19/5/1883). Nhưng lần này thực dân Pháp không chịu dừng bước như trận thất bại ở Cầu Giấy năm 1873.

Biết chắc thế nào Pháp cũng đánh Thuận An và kinh thành Huế, việc chuẩn bị lực lượng quân sự đánh trả đã trở nên hết sức cấp bách đối với quân quan nhà Nguyễn, vua Tự Đức lại giao cho Lê Sĩ nhiệm vụ rất nặng nề là Đặc sứ phòng tuyến Thuận An. Sau khi nhận nhiệm vụ, Lê Sĩ đã kiện toàn lại lực lượng, bổ sung vũ khí, củng cố thêm thành Trấn Hải để chuẩn bị đối phó với cuộc tấn công của địch đã đến rất gần.

Ngày 19 tháng 7 năm 1883, vua Tự Đức mất. Triều đình Huế lục đục với việc suy tôn người kế vị. Nạn phé lập xảy ra liên miên, các

quan trong triều tìm cách tranh giành quyền bính và chia làm hai phái chủ hoà, chủ chiến cầu xé lẫn nhau. Lợi dụng tình hình rối ren của nhà Nguyễn, quân Pháp mở chiến dịch tấn công cửa biển Thuận An.

Ngày 16 tháng 8 năm 1883, quân ta phát hiện 7 quân hạm treo cờ Pháp từ ngoài khơi tiến vào, chĩa thẳng mũi súng vào phòng tuyến cửa biển Thuận An. Dàn xong thế trận, Đô đốc Courbet tức tốc phái một sĩ quan đáp thuyền vào bờ, chuyển tối hậu thư cho trấn thủ phòng tuyến Thuận An là Hữu quân Đô thống Lê Sĩ.

Nhận được tối hậu thư, vua Hiệp Hoà sai các đại thần Nguyễn như Trọng Hợp Nguyễn Thành Úy, Phạm Như Xương, Trần Thúc Nhẫn đi xuống Thuận An ngay tối 16 tháng 8 để gặp đại diện Pháp đặt vấn đề thương thuyết. Tổng ủy viên Pháp Hác-măng (Harmand) đòi phải thương thuyết tại Huế và đưa ra nhiều yêu sách ngang ngược như triều đình Huế phải triệt binh và phá hủy hết đạn dược, lương thực trong các đồn binh từ cửa biển Thuận An lên Huế, triệt bỏ các chông trà, vật cản ở cửa sông Hương, trả lại 2 chiếc tàu nước Pháp đã tặng cho triều đình Huế theo Điều ước Giáp Tuất... hạn cuối cùng là ngày 18 tháng 8 năm 1883.

Ý định đánh chiếm kinh thành Huế của giặc đã rõ ràng. Với khả năng tư duy nhạy bén, Lê Sĩ hiểu rất rõ dã tâm của Pháp là dùng tối hậu thư để uy hiếp và bắt triều đình Huế phải đầu hàng, dâng đất nước Việt Nam cho Pháp. Ông không mơ hồ cầu mong thiện chí của quân giặc và không hy vọng gì cuộc thương thuyết kết quả có lợi cho phía ta như những kẻ cầu hoà và thoả hiệp ảo tưởng. Sự tồn vong của dân tộc đang ngàn cân treo sợi tóc; thành Trấn Hải và phòng tuyến cửa biển Thuận An rất có thể sẽ rơi vào tay giặc Pháp. Hoà hay chiến? Đó là một câu hỏi lớn đối với ông lúc này. Nhưng với khí phách anh hùng, tinh thần bất khuất, không sợ hy sinh, ông cương quyết không thoả hiệp,

đầu hàng, không chấp nhận cùng chung sống với bọn cướp nước và bè lũ tay sai. Thái độ của ông là dứt khoát phải đánh, phải trả lời tội hậu thư bằng quyết tâm tiêu diệt hết bọn cướp nước.

Và đúng như ông tiên đoán, do thái độ không thiện chí và ngang ngược của Pháp nên cuộc thương thuyết bị thất bại.

Đến hạn, yêu sách không được chấp nhận, chiều 18 tháng 8 năm 1883, quân Pháp dùng toàn bộ hỏa lực trên 6 chiến hạm đồng loạt xả đạn lên phòng tuyến Thuận An. Quân ta bắn trả quyết liệt, nhưng do vũ khí thô sơ, không tiêu diệt được các tàu địch. Cuộc chiến đấu kéo dài vài giờ thì tạm ngừng. Đạn pháo của Pháp đã phá huỷ nhiều thành lũy của quân ta, làm thương vong một số binh sĩ.

Sáng ngày 19 tháng 8, quân ta nổ súng phản công, quân Pháp nổ súng đánh trả nhằm tiêu diệt súng đại bác của ta, sau đó đổ bộ lên chiếm kinh thành Huế, nhưng do sóng to gió lớn, giặc Pháp không thực hiện được mưu đồ đổ bộ lên bờ.

Ngày 20 tháng 8 năm 1883, Thống chế Courbet xua quân lên bờ chiếm bờ phía Bắc và đánh úp phía Nam, hãm đồn Trấn Hải. Quân ta đánh trả quyết liệt, nhiều chiến sĩ rất dũng cảm ném trái nổ thành hàng rào lửa ngăn chặn sự tiến công của quân Pháp. Nhưng lực lượng của địch quá mạnh, lại có vũ khí tối tân nên quân ta bị thương vong nhiều. Thống chế Lê Chuẩn bị trúng đạn tử trận, Chương vệ Nguyễn Trung cũng hy sinh. Hữu quân Đô thống Chương phủ sự Lê Sĩ tuy bị thương nặng nhưng vẫn chỉ huy quân lính chiến đấu, song do vết thương quá nặng ông đã hy sinh anh dũng tại mặt trận, trước niềm tiếc thương vô hạn của tướng sĩ và nhân dân.

Sau 3 ngày chiến đấu anh dũng với tinh thần dũng mãnh, quật cường, quyết bảo vệ

vùng đất thiêng liêng của Tổ quốc, nhưng do vũ khí thô sơ, trình độ tác chiến quân sự của ta còn lạc hậu, lực lượng không cân sức, cuối cùng thành Trấn Hải và toàn bộ phòng tuyến Thuận An đã rơi vào tay giặc Pháp. Lê Sĩ hy sinh ngày 20 tháng 8 năm 1883, triều vua Hiệp Hoà.

Sau khi Hữu quân Đô thống Chương phủ sự Lê Sĩ hy sinh, đề ghi nhận lòng trung quân ái quốc và những công lao của ông, vua Hiệp Hoà xuống chỉ cho các tỉnh tế lễ một tuần và truy tặng ông danh hiệu Kiên Dũng tử, được thờ vào Trung Nghĩa đền và ban tặng nhiều phẩm vật quý, cấp tự điền để hàng năm cúng tế⁷.

Thi hài của ông được triều đình cho phép đưa về an táng tại làng Võ Xá (nay là xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh). Khi đám tang đi qua các nơi đông dân cư đều có lập hương án đón rước.

Nêu lên vài nét chính về hành trạng của Lê Sĩ như vậy để khẳng định: Lê Sĩ xuất hiện và hoạt động trên vũ đài chính trị nước nhà trong hoàn cảnh chế độ phong kiến Việt Nam suy vong cuối thế kỉ XIX. Vua quan thì tham quyền cố vị, tranh giành vương triều, quan liêu, tham nhũng, bắt nhân dân lao động khổ sai để xây dựng lăng tẩm, đền chùa; kinh tế trì trệ, quốc phòng yếu kém, trình độ tác chiến lạc hậu, triều đình thì chia ra 2 phái, chủ hoà và chủ chiến, mà phái chủ hoà đang thắng thế, chỉ muốn cắt đất cầu hoà; quan hệ với nước ngoài thì thi hành chính sách bẻ quan toả cảng. Trong khi đó, chủ nghĩa tư bản Pháp đang phát triển mạnh mẽ, có nền kinh tế và quân sự mạnh gấp ta nhiều lần, đang muốn thôn tính nước ta. Vì vậy, khi Pháp nổ súng xâm lược nước ta, một cuộc đối đầu quá chênh lệch về sức mạnh như vậy, nhà Nguyễn bị thất bại cũng là điều dễ hiểu.

Trận chiến đấu không cân sức ở cửa biển

⁷Đại Nam thực lục chính biên, Tập 35, tr.228.

Thuận An có lẽ là trận chiến đầu mang dáng dấp của một cuộc chiến tranh hiện đại đầu tiên diễn ra trên đất nước ta, quân thù có vũ khí hiện đại và tối tân vào bậc nhất thời bấy giờ mà quân đội nhà Nguyễn phải đối đầu. Trận chiến đầu tuy bị thất bại nhưng đã thể hiện ý chí chiến đấu quật cường, với hào khí dũng mãnh, một mất một còn của chiến sĩ ta vì độc lập dân tộc, gương sáng hy sinh quên mình và phẩm chất cao đẹp của Lê Sĩ. Trách nhiệm để mất cửa biển Thuận An không thuộc về Lê Sĩ mà do vua quan nhà Nguyễn quá yếu hèn, chỉ muốn cầu hoà để được yên thân.

Cuộc đời binh nghiệp ra vào nơi súng đạn, lúc Nam xuôi, lúc Bắc tiến, suốt đời lận đận vì việc dân, việc nước, khi nhận nhiệm vụ vua Tự Đức giao chỉ huy phòng tuyến cửa biển Thuận An, với những khó khăn chồng chất, lại không có một lực lượng hỗ trợ cần thiết nào đáng kể, có chăng chỉ là một truyền thống yêu nước chống ngoại xâm anh hùng của dân tộc và sự quyết tâm chiến đấu của quân sĩ, chắc Lê Sĩ cũng đã biết kết cục của cuộc chiến. Nhưng ông không coi bản thân mình là trọng. Cái đáng trọng, theo ông, là lòng người, là sự tồn vong của dân tộc. Ông biết cuộc đối đầu giữa quân ta và quân xâm lược Pháp ở cửa biển Thuận An do ông chỉ huy, khó tránh khỏi thất bại, nhưng có lẽ sâu thẳm trong lòng, ông vẫn tin tưởng rằng sự nghiệp chống Pháp cứu nước của nhân dân ta nhất định rồi sẽ thắng lợi.

Lê Sĩ đã có những cống hiến to lớn trên lĩnh vực quân sự. Ông đỗ đạt hay không đỗ đạt? nhưng chỉ qua hai lần làm giám thí thi tiến sĩ vào các năm 1868, 1871 đã nói lên ông là một võ quan có tài. Những đóng góp của ông đối với công cuộc chống Pháp của nhân dân ta cuối thế kỉ XIX là rất lớn, cần được lịch sử ghi nhận.

Lê Sĩ không chỉ là một danh tướng quân sự mà ông còn là một nhà nho chân chính. Ông

không giống như một số nhà nho tiêu cực, khi thuận lợi thì làm quan, khi khó khăn thì bỏ về ở ẩn hay dạy học, hoặc cam tâm làm tay sai cho giặc. Ông không trốn tránh trách nhiệm, sẵn sàng nhận lấy sứ mệnh quang vinh của một nhà nho chân chính trước vận mệnh mất còn của Tổ quốc. Trong suốt cuộc đời làm quan, ông luôn giữ được tấm lòng trung quân ái quốc, bảo vệ danh dự Tổ quốc. Trong bối cảnh triều đình rơi vào tình trạng hỗn loạn, Lê Sĩ vẫn đứng ngoài mọi sự đấu đá, tranh giành quyền bính đang diễn ra đôn đập. Ông không lợi dụng tình hình rối ren này để đục nước béo cò, mà luôn giữ trọn khí tiết thanh cao, không màng danh lợi, chỉ một lòng phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân; luôn sẵn sàng nhận nhiệm vụ ở những nơi gian khổ và nguy hiểm nhất.

Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa thấy có sử liệu nào nói ông thuộc phái chủ hoà hay chủ chiến. Nhưng qua những việc ông làm, những nơi ông đến và tinh thần chống Pháp quyết liệt, không khi nào thoả hiệp của ông, chúng ta có thể khẳng định Lê Sĩ là một võ tướng cả đời vì nước vì dân, chống Pháp đến hơi thở cuối cùng như vậy, nhất định ông phải là người thuộc phái chủ chiến, và nếu còn sống đến khi vua Hàm Nghi khởi chiếu Cần Vương, ông cũng sẽ là người hăng hái sát cánh với các đồng chí của mình phò vua Hàm Nghi, cùng dân tộc đứng lên chống Pháp, và ông cũng sẽ đứng vào hàng ngũ những người lãnh đạo phong trào Cần Vương chống Pháp quyết liệt nhất cuối thế kỉ XIX. Ông là một tấm gương sáng về lòng trung dũng chống Pháp xâm lược đến hơi thở cuối cùng.

Nhà nước đã xếp hạng lăng mộ Lê Sĩ là di tích cấp Quốc gia và đã cho trùng tu tôn tạo lại lăng mộ của ông. Tỉnh Quảng Bình cũng đã quyết định đặt tên đường Lê Sĩ tại thành phố Đồng Hới, ấy cũng là sự tri ân của hậu thế với tiền nhân ■